

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển Vật liệu xây dựng  
tỉnh Bình Phước đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 quy định chi tiết một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 24a/2016/NĐ-CP ngày 05/04/2016 về quản lý vật liệu xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1469/QĐ-TTg ngày 22/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1754/QĐ-UBND ngày 14/8/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí dự án quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Bình Phước đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tỉnh tại Tờ trình số 3230/TTr-SXD ngày 15/12/2017,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng (VLXD) tỉnh Bình Phước đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, với những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Tên dự án quy hoạch: Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Bình Phước đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

2. Phạm vi nghiên cứu: Phạm vi nghiên cứu của quy hoạch được giới hạn trên địa bàn tỉnh Bình Phước nhằm xác định các án đầu tư phát triển sản xuất vật liệu xây dựng tại chỗ, đồng thời xác lập phương án cung ứng vật liệu xây dựng trong và ngoài tỉnh nhất là đối với các tỉnh lân cận trong vùng để mở rộng thị trường vật liệu xây dựng.

3. Mục tiêu phát triển.

- Quy hoạch phát triển Vật liệu xây dựng tỉnh Bình Phước đến năm 2020,

tầm nhìn đến năm 2030 nhằm khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của tỉnh về tài nguyên khoáng sản làm VLXD. Đổi mới công nghệ, đưa công nghệ tiên tiến thân thiện với môi trường vào sản xuất để nâng cao chất lượng, sản lượng các loại VLXD nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng lên của thị trường trong tỉnh và cung cấp một số chủng loại VLXD ra ngoài tỉnh.

- Phát triển VLXD nhằm gia tăng giá trị sản xuất công nghiệp, góp phần tăng nguồn thu ngân sách và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa, luôn giữ được vị trí quan trọng của ngành sản xuất VLXD trong nền kinh tế của tỉnh.

- Phát triển VLXD nhằm thu hút một lượng lớn lao động, góp phần giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh, tăng thu nhập cho người lao động, cải thiện đời sống nhân dân.

- Một số mục tiêu cụ thể như sau: Từ nay đến năm 2020 ngành sản xuất VLXD đạt được:

- + Giá trị sản xuất VLXD đạt tốc độ tăng trưởng khoảng 5%/năm.

- + Giải quyết được thêm việc làm cho khoảng 1.000 lao động.

- + Đến năm 2020, sản xuất VLXD đạt được trình độ công nghệ tiên tiến trong khu vực, có mức độ cơ giới hóa, tự động hóa cao, sản phẩm chất lượng cao, tiêu hao nguyên liệu và năng lượng thấp, đáp ứng tiêu chuẩn về môi trường.

#### 4. Phương án quy hoạch giai đoạn từ nay đến năm 2020.

##### 4.1. Xi măng

- Phát huy hết công suất các nhà máy xi măng hiện có.

- Tích cực đầu tư, đổi mới công nghệ để giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong quá trình sản xuất.

- Tiếp tục đẩy mạnh triển khai các dự án đã có trong quy hoạch xi măng theo Quyết định số 1488/QĐ-TTg ngày 29/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghiệp xi măng Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 và định hướng đến năm 2030.

- Tiếp tục phát triển và hoàn thiện các nhà máy sản xuất xi măng để phục vụ xây dựng nhằm cân đối cung cầu vật liệu xây dựng gồm: Nhà máy xi măng Bình Phước - Công ty CP xi măng Vicem Hà Tiên tại xã Thanh Lương, thị xã Bình Long; Nhà máy xi măng Bình Phước - Dự án Bình Phước 2; Nhà máy xi măng DIC Bình Phước - Công ty CP Đầu tư và thương mại DIC tại KCN Chơn Thành - xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành; Nhà máy xi măng Minh Tâm tại xã Minh Tâm, huyện Hớn Quản; Nhà máy xi măng An Phú tại xã An Phú, huyện Hớn Quản; Dự kiến tổng công suất sản xuất xi măng trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 khoảng 5,96 triệu tấn xi măng/năm; 3,6 triệu tấn clanhke/ năm.

##### 4.2. Vật liệu xây

###### 4.2.1. Gạch đất sét nung

- Tổng công suất thiết kế đạt khoảng 520 triệu viên quy tiêu chuẩn (QTC)/năm. Trong đó:

+ Công suất thiết kế (CSTK) các dự án đang sản xuất là: 400 triệu viên/năm.

+ Các dự án dự kiến phát triển thêm là: 120 triệu viên/năm.

- Dừng hoạt động các cơ sở sản xuất gạch đất sét nung theo đúng lộ trình quy định tại Quyết định số 1469/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

- Phát huy hết công suất các cơ sở gạch tuynel hiện tại đang hoạt động; tiếp tục triển khai các dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư trong thời gian qua nhưng chưa triển khai hoặc triển khai chậm tiến độ.

- Tiếp tục đầu tư chiều sâu, đầu tư công nghệ, thiết bị tại các cơ sở sản xuất gạch tuynel có nguồn nguyên liệu tốt, tăng tỷ lệ những loại sản phẩm tiết kiệm nguyên liệu đạt chất lượng tốt.

- Tập trung khai thác vùng nguyên liệu xa khu dân cư và thuộc quy hoạch khoáng sản làm VLXD.

- Ưu tiên cấp phép thăm dò, khai thác cho các cơ sở đang sản xuất chưa có vùng nguyên liệu.

- Đầu tư thăm dò mở rộng nguyên liệu nhằm đáp ứng nhu cầu của các cơ sở sản xuất có công nghệ tiên tiến trên địa bàn.

#### 4.2.2. Gạch không nung.

- Tổng công suất thiết kế đến năm 2020 đạt khoảng 183 triệu viên QTC/năm. Trong đó:

+ CSTK các dự án đang sản xuất là: 53 triệu viên QTC/năm.

+ Các dự án dự kiến phát triển thêm khoảng 130 triệu viên QTC/năm.

- Duy trì sản xuất, phát huy hết công suất, tùy điều kiện của các cơ sở để mở rộng, nâng cao công suất tại các cơ sở gạch xi măng cốt liệu hiện có.

- Mỗi huyện, thị xã được đầu tư thêm từ 1 đến 2 cơ sở với công suất cho một dây chuyền từ 10 triệu viên QTC/năm trở nên.

- Vị trí cụ thể của từng dự án phải đáp ứng yêu cầu quy hoạch của địa phương, Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng và các yêu cầu trong sản xuất vật liệu xây dựng theo quy định của pháp luật.

- Ưu tiên đầu tư trong các khu, cụm công nghiệp tập trung tại các địa bàn thuận lợi về nguồn nguyên liệu sản xuất như thị xã Đồng Xoài, huyện Lộc Ninh, huyện Hớn Quản, huyện Bù Gia Mập, huyện Bù Đăng, thị xã Bình Long, huyện Bù Đốp. Danh mục các cơ sở sản xuất, dự án mời gọi đầu tư trong Phụ lục I kèm theo.

### 4.3. Vật liệu lợp

- Đa dạng hóa chủng loại sản phẩm tấm lợp sản xuất trên địa bàn; phát triển thêm tấm tôn xốp 3 lớp cách âm, cách nhiệt, ngói màu, ngói xi măng cốt sợi để đáp ứng nhu cầu thị trường trong tỉnh.

- Duy trì sản xuất vật liệu lợp tại các cơ sở hiện có với tổng công suất thiết kế khoảng 6,2 triệu m<sup>2</sup>/năm.

### 4.4. Đá xây dựng

- Phát huy hết công suất các cơ sở đang khai thác, chế biến đá xây dựng đã cấp giấy phép để đáp ứng đủ nhu cầu đá xây dựng trên địa bàn tỉnh.

- Đầu tư công nghệ hiện đại trong sản xuất, khai thác, giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

- Nghiên cứu đầu tư sản xuất cát nghiền từ khai thác đá xây dựng.

### 4.5. Cát xây dựng

- Duy trì khai thác cát trên cơ sở quản lý chặt chẽ việc thực hiện đúng các quy định khai thác cát lòng sông đáp ứng nhu cầu cát xây dựng trong tỉnh. Do đặc điểm cát lòng sông thay đổi theo mùa, nên hàng năm phải kiểm tra trữ lượng để bổ sung, điều chỉnh vào quy hoạch kịp thời.

- Các đơn vị được cấp giấy phép khai thác phải áp dụng cơ giới hoá và cải tiến công nghệ khai thác cát để nâng công suất và đảm bảo môi trường.

- Kiên quyết xử lý tình trạng khai thác cát trái phép của các cá nhân và tổ chức.

- Phải đảm bảo việc khai thác đúng giấy phép được cấp, không gây ảnh hưởng đến môi trường sinh thái, dòng chảy và không gây sạt lở bờ các dòng sông. Phải xử lý nước thải rửa cát trước khi thải vào môi trường, đảm bảo nồng độ phát tán bụi theo yêu cầu của các tiêu chuẩn tại bãi chứa khi bảo quản và vận chuyển.

- Ưu tiên đẩy mạnh công tác thăm dò và đưa vào khai thác các mỏ cát tại khu vực hồ Dầu Tiếng, xã Tân Hiệp, huyện Hớn Quản với CSTK khoảng 70.000 m<sup>3</sup>/năm trở lên.

- Mời gọi đầu tư công nghệ sản xuất cát nghiền tại các mỏ khai thác đá xây dựng có quy mô công suất lớn, mỗi cơ sở từ 30 nghìn m<sup>3</sup>/năm với tổng CSTK dự kiến khoảng 90 nghìn m<sup>3</sup>/năm trở lên.

Tổng nhu cầu cát trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 khoảng 360 nghìn m<sup>3</sup>/năm. Danh mục các cơ sở sản xuất, dự án mời gọi đầu tư trong Phụ lục I kèm theo.

### 4.6. Bê tông.

- Phát huy hết công suất các cơ sở sản xuất bê tông cấu kiện hiện có trên địa bàn.

- Từ nay đến năm 2020 cần kêu gọi đầu tư các cơ sở sản xuất bê tông thương phẩm và bê tông cấu kiện, để thay thế cho việc chế tạo bê tông bằng phương pháp thủ công đơn giản, phân tán, không đảm bảo chất lượng và gây ô nhiễm môi trường. Phương án cụ thể như sau:



+ Đầu tư xây dựng 01 cơ sở sản xuất bê tông cầu kiện tại cụm công nghiệp trên thị xã Phước Long, công suất khoảng 150 nghìn m<sup>3</sup>/năm trở lên. Sản phẩm gồm các loại: các cầu kiện bê tông đúc sẵn, ống cống, cột điện,...

+ Đầu tư xây dựng 02 cơ sở sản xuất bê tông thương phẩm tại cụm công nghiệp trên địa bàn huyện Hớn Quản và thị xã Phước Long, công suất mỗi cơ sở khoảng 200 nghìn m<sup>3</sup>/năm trở lên.

Tổng công suất thiết kế sản xuất bê tông trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 khoảng 550.000 m<sup>3</sup>/năm. Danh mục các cơ sở sản xuất, dự án mời gọi đầu tư trong Phụ lục I kèm theo.

#### 4.7. Vật liệu trang trí hoàn thiện

Nhu cầu một số chủng loại vật liệu trang trí hoàn thiện tại Bình Phước năm 2020 như sau:

TT	Loại VLXD	Đơn vị	Nhu cầu năm 2020
1	Vật liệu ốp lát	triệu m <sup>2</sup>	1,22 - 1,33
2	Sứ vệ sinh	triệu sản phẩm	1 - 1,05
3	Kính xây dựng	triệu m <sup>2</sup>	0,83 - 0,85

- Vật liệu ốp lát: Duy trì sản xuất tại cơ sở đá ốp lát đã được cấp phép sản xuất từ nguồn đá tảng lộ thiên tại khu vực phường Thác Mơ, thị xã Phước Long với công suất khoảng 2 nghìn m<sup>3</sup>/năm.

#### 4.8. Vật liệu san lấp

Theo Quyết định số 47/2017/QĐ-UBND ngày 02/11/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030<sup>4</sup>, giai đoạn đến năm 2020 đã quy hoạch thăm dò, khai thác các mỏ vật liệu san lấp trên địa bàn tỉnh. Do đó tiếp tục cấp phép thăm dò và cấp phép khai thác các mỏ đất san lấp theo quy hoạch được duyệt.

#### 5. Định hướng phát triển sản xuất VLXD đến năm 2030

- Sau năm 2020, ngành sản xuất VLXD sẽ chỉ đầu tư những công nghệ tiên tiến, hiện đại có trình độ cơ giới hóa, tự động hóa cao tiệm cận với trình độ công nghệ của thế giới và khu vực. Sản xuất VLXD đảm bảo được các quy định về chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế, có thể cạnh tranh trên thị trường ngoài nước. Lĩnh vực khai thác chế biến nguyên liệu sẽ tập trung vào chế biến sâu nguyên liệu thành sản phẩm hàng hóa có chất lượng và giá trị kinh tế cao. Không xuất khẩu nguyên liệu thô hoặc bán thành phẩm để giữ gìn nguồn tài nguyên khoáng sản không thể tái tạo được. Giai đoạn này, theo xu hướng phát triển chung của thế giới, ngành sản xuất VLXD sẽ phát triển theo hướng hình thành các tập đoàn sản xuất chuyên sâu vào một sản phẩm có thể mạnh hoặc tập đoàn sản xuất nhiều chủng loại sản phẩm để nâng cao và khẳng định thương hiệu trên trường quốc tế, rút gọn các đầu mối sản xuất và tiêu thụ; đơn giản hóa công tác quản lý và mang lại hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Giai đoạn 2020 đến 2030, ngành công nghiệp sản xuất VLXD tỉnh Bình Phước được phân bố theo hướng hình thành các khu, cụm công nghiệp VLXD tập trung, sản xuất nhiều chủng loại VLXD để tiết kiệm vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và hỗ trợ lẫn nhau trong việc đào tạo nguồn nhân lực, thuận lợi trong quản lý. Bố trí các khu, cụm công nghiệp VLXD ở khu vực ngoại vi đô thị, xa khu dân cư để không làm ảnh hưởng đến đời sống dân cư lân cận.

- Hình thành các siêu thị VLXD tại các khu đô thị để giới thiệu, quảng bá sản phẩm VLXD, tạo điều kiện cho người sử dụng dễ dàng tiếp cận, lựa chọn các sản phẩm VLXD theo yêu cầu của từng loại công trình.

Dự báo nhu cầu VLXD tỉnh Bình Phước đến năm 2030

TT	Loại VLXD	Đơn vị tính	Năm 2030
1	Xi măng	triệu tấn	1,25 - 1,32
2	Vật liệu xây	tỷ viên	1,2 - 1,25
3	Vật liệu lợp	triệu m <sup>2</sup>	2,1 - 2,16
4	Đá xây dựng	triệu m <sup>3</sup>	1,65 - 1,74
5	Cát xây dựng	triệu m <sup>3</sup>	2,6 - 2,62
6	Gạch ốp lát	triệu m <sup>2</sup>	1,46 - 1,6
7	Sứ vệ sinh	triệu SP	1,2 - 1,26
8	Kính xây dựng	triệu m <sup>2</sup>	1 - 1,02

## 6. Giải pháp chủ yếu

### 6.1. Giải pháp về cơ chế chính sách

#### a) Điều tra cơ bản:

- Tiếp tục đầu tư cho công tác thăm dò, khảo sát các mỏ khoáng sản, đánh giá đầy đủ về chất lượng, trữ lượng để có các căn cứ cấp phép cho các doanh nghiệp đầu tư khai thác sản xuất VLXD.

- Các đơn vị đang sản xuất VLXD cần phải xúc tiến tìm kiếm, khảo sát thăm dò bổ sung các nguồn nguyên liệu đang được khai thác sử dụng để đáp ứng nhu cầu nguyên liệu cho sản xuất bền vững. Trong giai đoạn từ nay đến năm 2025 cần tập trung đầu tư thăm dò bổ sung và thăm dò mới các mỏ đất sét gạch ngói, đá xây dựng, cát xây dựng.

- Thực hiện việc đấu thầu theo đúng quy định của pháp luật trong khai thác khoáng sản, gắn khai thác với chế biến. Việc tìm kiếm, bổ sung các mỏ khoáng sản làm nguyên liệu phải đi đôi với việc các doanh nghiệp phải có các biện pháp tiết kiệm khoáng sản trong khai thác và sử dụng tài nguyên, nhất là đối với đất sét làm gạch ngói, đá ốp lát.

- Nghiên cứu, ứng dụng sử dụng tro xỉ nhiệt điện làm nguồn nguyên liệu, thay thế cho một số nguyên liệu chính trong sản xuất VLXD như: Đất sét, xi măng, cát, cốt liệu tạo thành nguồn cung cấp nguyên liệu ổn định, bền vững cho phát triển sản xuất VLXD tại địa phương.

### b) Mở rộng phát triển thị trường:

- Trong các giai đoạn tới các doanh nghiệp cần tích cực tham gia các hội thảo, triển lãm, hội chợ quốc tế, ứng dụng công nghệ thông tin để mở rộng thị trường xuất khẩu. Song song với việc tiếp thị, quảng bá sản phẩm luôn nâng cao chất lượng sản phẩm để đạt được các tiêu chuẩn quốc tế, xây dựng các thương hiệu mạnh cho sản phẩm VLXD Việt Nam. Bên cạnh đó, ban hành các quy chế khuyến khích các doanh nghiệp sản xuất và sử dụng gạch xây không nung; có quy định đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vật liệu xây không nung theo quy định.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà kinh doanh phân phối các sản phẩm VLXD mà tỉnh Bình Phước không sản xuất hoặc sản xuất không đủ để đáp ứng nhu cầu, cần phải đưa từ các địa phương khác tới hoặc nhập khẩu của nước ngoài để hạn chế hiện tượng khan hiếm hàng hoặc tăng giá.

### 6.2. Phát triển nguồn nhân lực kết hợp với phát triển khoa học công nghệ:

- Đẩy mạnh công tác đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật và công nhân lành nghề có vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển ngành theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Thực hiện xã hội hóa công tác đào tạo nghề, đa dạng hóa các loại hình đào tạo nghề, trong đó chú trọng đào tạo cho người lao động ngay tại các cơ sở sản xuất. Mặt khác các doanh nghiệp cần có chính sách đãi ngộ cho cán bộ khoa học kỹ thuật và công nhân có tay nghề cao.

- Công tác nghiên cứu khoa học kỹ thuật cần tập trung vào giải quyết những khó khăn trong sản xuất và áp dụng kỹ thuật tiến bộ vào sản xuất như nghiên cứu chế tạo các sản phẩm vật liệu xây, lợp không nung từ nguồn nguyên liệu tại chỗ dùng cho xây dựng ở nông thôn. Quan tâm hỗ trợ nguồn vốn khoa học công nghệ để tổ chức sản xuất và trình diễn kỹ thuật cho các chủng loại VLXD với qui mô nhỏ, vốn đầu tư ban đầu thấp, như: gạch, ngói không nung, cấu kiện bê tông lắp ghép, làm cơ sở nhân rộng ra trên địa bàn. Khuyến khích các nghiên cứu khoa học sử dụng các vật liệu dư thừa, phế thải của các ngành công nghiệp khác làm VLXD.

### 6.3. Giải pháp về khuyến khích đầu tư:

- Nghiên cứu xây dựng và ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ di dời, hỗ trợ vốn, ưu đãi tín dụng cho doanh nghiệp ngành VLXD khi thực hiện đầu tư cải tiến công nghệ hiện đại hoặc di dời cơ sở trong nội thị vào các khu, cụm công nghiệp.

- Tập trung nguồn lực, cải tiến công nghệ, sử dụng công nghệ xanh không gây ô nhiễm môi trường, mở rộng sản xuất tại các cơ sở hiện có.

- Thực hiện chính sách hỗ trợ sau đầu tư cho các doanh nghiệp, xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông, điện, nước đáp ứng cơ sở hạ tầng cho sản xuất VLXD có lợi thế của tỉnh, có thị trường tiêu thụ tốt như: Gạch nung, gạch gốm ốp lát, gạch không nung.

- Thông báo rộng rãi, cập nhật danh mục mời gọi, thu hút đầu tư trong và ngoài nước.

- Sử dụng hiệu quả nguồn vốn từ đất, khoáng sản và thị trường vốn. Phát huy tối đa hiệu quả nguồn vốn từ đất thông qua các hình thức hợp tác đầu tư.



#### 6.4. Giải pháp bảo vệ môi trường, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên:

- Để phát triển một cách bền vững, các dự án đầu tư mới phải lựa chọn công nghệ tiên tiến và bố trí vào các khu công nghiệp tập trung để có phương án xử lý ô nhiễm về bụi, tiếng ồn và chất thải.

- Thực hiện đấu thầu theo quy định của pháp luật trong khai thác khoáng sản, gắn khai thác khoáng sản với chế biến.

- Thường xuyên kiểm tra xử lý tình trạng không chấp hành phạm vi an toàn khai thác cát sông. Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư mới, việc tuân thủ các tiêu chí về môi trường, luật môi trường của các cơ sở khai thác, chế biến, sản xuất VLXD.

- Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học để sử dụng các nguồn thải từ các nhà máy nhiệt điện, phế thải công nghiệp làm VLXD.

- Nghiêm cấm việc sử dụng đất canh tác nông nghiệp để sản xuất gạch nung, nâng mức phí bảo vệ môi trường, thuế tài nguyên với việc khai thác đất sét sản xuất gạch.

#### 6.5. Giải pháp về quản lý nhà nước:

- Phổ biến rộng rãi quy hoạch cho các ngành, các cấp chính quyền, các tổng công ty, các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh, các ban quản lý khu công nghiệp và nhân dân để hiểu rõ nội dung quy hoạch. Thống nhất quản lý và xây dựng kế hoạch đầu tư phát triển sản xuất VLXD.

- Phân cấp để tăng cường hiệu lực quản lý hoạt động sản xuất, khai thác khoáng sản làm VLXD của các cấp ngành trong tỉnh là rất cần thiết, đặc biệt là đối với một số lĩnh vực khai thác cát sông và đất sét sản xuất gạch nung.

- Đơn giản hóa thủ tục hành chính trong công tác thẩm định, cấp phép đầu tư, giao đất cho thuê đất đối với các nhà đầu tư.

- Nghiên cứu bố trí các khoản mục trong vốn đầu tư của tỉnh để đầu tư thăm dò, khảo sát điều tra cơ bản các mỏ có triển vọng, từ đó có thể thu hút đầu tư hoặc tổ chức đấu thầu khai thác để thu hồi vốn.

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

#### **1. Sở Xây dựng.**

- Tổ chức công bố Quy hoạch phát triển VLXD tỉnh Bình Phước đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 theo quy định.

- Chủ trì triển khai và hướng dẫn thực hiện quy hoạch, tham mưu đề xuất cơ chế, chính sách, biện pháp cụ thể để phát triển bền vững ngành công nghiệp sản xuất VLXD phù hợp với tình hình thực tế và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Đề xuất, xây dựng các đề tài nghiên cứu, đề án chuyên ngành để tăng cường sử dụng tro xỉ nhiệt điện làm VLXD, các công trình xây dựng của tỉnh.

- Phối hợp với các sở, ngành, địa phương kiểm tra, giám sát các hoạt động của các tổ chức, cá nhân sản xuất VLXD theo quy định.



- Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất về chất lượng sản phẩm hàng hóa VLXD được sản xuất, lưu thông và tiêu thụ trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn và tiếp nhận công bố hợp quy sản phẩm VLXD theo quy định.

- Định kỳ tổng hợp tình hình phát triển vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Xây dựng theo quy định.

## 2. Các Sở, ban, ngành liên quan:

Theo chức năng và nhiệm vụ của mình phối hợp với các Sở, ngành và UBND cấp huyện tổ chức thực hiện tốt Quy hoạch này.

## 3. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

- Phối hợp cùng Sở Xây dựng quản lý các cơ sở sản xuất VLXD, các mỏ khoáng sản làm VLXD và tổ chức thực hiện tốt Quy hoạch này trên địa bàn.

- Quản lý, thống kê tình hình sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp khai thác và sản xuất VLXD trên địa bàn, định kỳ 6 tháng/lần báo cáo về Sở Xây dựng.

## 4. Các doanh nghiệp, các nhà đầu tư sản xuất VLXD và khai thác chế biến khoáng sản làm VLXD:

- Thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ của mình theo quy định pháp luật hiện hành; phải thường xuyên quan tâm tới việc bảo vệ môi trường. Tuân thủ theo quy định luật khoáng sản và pháp luật khác có liên quan.

- Báo cáo bằng văn bản tình hình sản xuất kinh doanh của đơn vị và gửi về Sở Xây dựng định kỳ 6 tháng/lần.

**Điều 3. Các ông (bà):** Chánh văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng, thủ trưởng các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành, kể từ ngày ký./.

### Nơi nhận:

- Bộ Xây dựng (b/c);
- Chủ tịch, các PTC UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP, P.KT;
- Lưu: VT.(Trung) <sub>16c</sub>



*Nguyễn Anh Minh*

**PHỤ LỤC I: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN SẢN XUẤT VLXD MỜI GỌI ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN TỪ NAY ĐẾN NĂM 2020**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3377 /QĐ-UBND ngày 26 /12 /2017 của UBND tỉnh Bình Phước)*

TT	Cơ sở sản xuất	Địa điểm sản xuất	Công nghệ	CSTK	Mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Ghi chú
<b>Sản xuất gạch nung</b>				<b>120(Triệu viên QTC/năm)</b>	<b>120</b>	
1	Cơ sở sản xuất gạch tuynel	Huyện Hớn Quản	Lò tuynel	40	40	Đầu tư mới
2	Cơ sở sản xuất gạch tuynel	Huyện Hớn Quản	-nt-	40	40	-nt-
3	Cơ sở sản xuất gạch tuynel	Huyện Lộc Ninh	-nt-	40	40	-nt-
<b>Sản xuất gạch không nung xi măng - cốt liệu (GKN)</b>				<b>132(Triệu viên QTC/năm)</b>	<b>132</b>	
1	Cơ sở sản xuất GKN Đồng Xoài	Thị xã Đồng Xoài	Cơ giới	32	32	Đầu tư mới
2	Cơ sở sản xuất GKN Lộc Ninh	Huyện Lộc Ninh	-nt-	10	10	-nt-
3	Cơ sở sản xuất GKN Hớn Quản	Huyện Hớn Quản	-nt-	20	20	-nt-
4	Cơ sở sản xuất GKN Bù Gia Mập	Huyện Bù Gia Mập	-nt-	20	15	-nt-
5	Cơ sở sản xuất GKN Bù Đăng	Huyện Bù Đăng	-nt-	20	20	-nt-
6	Cơ sở sản xuất GKN Bình Long	Thị xã Bình Long	-nt-	20	20	-nt-

TT	Cơ sở sản xuất	Địa điểm sản xuất	Công nghệ	CSTK	Mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Ghi chú
7	Cơ sở sản xuất GKN Bù Đốp	Huyện Bù Đốp	-nt-	10	10	-nt-
<b>Khai thác cát tự nhiên</b>				<b>70 (Nghìn m<sup>3</sup>/năm)</b>	<b>5</b>	
1	Cơ sở khai thác cát lòng hồ Dầu Tiếng	Khu vực Hồ Dầu Tiếng, xã Tân Hiệp, huyện Hớn Quản	-nt-	70	5,0	Cấp phép mới
<b>Sản xuất cát nghiền</b>				<b>90 (Nghìn m<sup>3</sup>/năm)</b>	<b>30</b>	
1	Cơ sở sản xuất cát nghiền	Huyện Lộc Ninh	Cơ giới	30	10	Đầu tư mới
2	Cơ sở sản xuất cát nghiền	Huyện Đồng Phú	-nt-	30	10	-nt-
3	Cơ sở sản xuất cát nghiền	Thị xã Đồng Xoài	-nt-	30	10	-nt-
<b>Sản xuất Bê tông</b>				<b>550 (Nghìn m<sup>3</sup>/năm)</b>	<b>80</b>	
1	Cơ sở sản xuất bê tông cấu kiện	Thị xã Phước Long	Cơ giới	150	20	Đầu tư mới
2	Cơ sở sản xuất bê tông thương phẩm	Huyện Hớn Quản	-nt-	200	30	-nt-
3	Cơ sở sản xuất bê tông thương phẩm	Thị xã Phước Long	-nt-	200	30	-nt-